TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN,** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 198/2024/DS-ST
Ngày 29 – 8 – 2024
V/v tranh chấp HĐ về hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Lâm Hoài Ân
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Minh Trọn
2. Bà Trần Thị Hoài Yên

- Thư ký phiên toà: Ông Lữ Tấn Thiên – Là Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 29 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 356/2024/TLST-DS, ngày 11 tháng 7 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng về hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 273/2024/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Hồng Đ, sinh năm 1978; Địa chỉ: ấp Hưng H, xã Tân Hưng T, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Huỳnh Văn Đ1, sinh năm 1961; Địa chỉ: ấp Hưng H, xã Tân Hưng T, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2.2. Anh Huỳnh Văn L, sinh năm 1987 và chị Võ Cẩm V, sinh năm 1995; Cùng địa chỉ: ấp Hưng H, xã Tân Hưng T, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

2.3. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1962; Địa chỉ: ấp Tân N, xã Rạch C, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, bà Lê Hồng Đo (nguyên đơn) trình bày:

Bà có tham chơi hụi do ông Huỳnh Văn Đ1 và anh Huỳnh Văn L làm chủ, cụ thể:

Dây thứ nhất, ông Đ1 mở hụi vào ngày 10/01/2023 âm lịch, dây hụi 1.000.000 đồng, hụi khui tháng 02 lần vào các ngày 10, 25 hàng tháng, hụi có 65 chân, bà tham gia chơi 01 chân và mua 02 chân. Quá trình chơi hụi, bà đóng hụi sống đến kỳ thứ 32 thì ngưng do kỳ thứ 33 nhằm ngày 10/4/2024 âm lịch, ông Đ1 khui hụi nhưng tuyên bố đình hụi nên bà không đóng hụi sống ở kỳ này. Trong dây

hụi này, bà chỉ hốt 01 chân mua vào 25/3/2024 âm lịch, còn lại 02 chân hụi sống (01 chân mua và 01 chân trực tiếp chơi). Tuy nhiên, đối với chân hụi hốt ông Đ1 chỉ chung được số tiền 15.000.000 đồng còn nợ lại 34.350.000 đồng (đã trừ tiền hoa hồng là 700.000 đồng), còn hai chân hụi sống trong đó chân hụi bà trực tiếp tham gia và đóng được 32 kỳ hụi sống nên ông Đ1 còn nợ bà 32 kỳ hụi sống với số tiền 32.000.000 đồng. Riêng chân hụi mua, ông Đ1 nợ bà số tiền 53.160.000 đồng. Tổng số tiền trong dây hụi này, ông Đ1 nợ bà số tiền 119.510.000 đồng.

Dây thứ hai, mở ngày 15/4/2023 âm lịch, anh L mở dây hụi 1.000.000 đồng, hụi khui tháng 02 lần vào các ngày 15, 30 hàng tháng, hụi có 58 chân, bà tham gia chơi 01 chân. Quá trình chơi hụi, bà đã đóng hụi sống cho đến ngày 10/4/2024 âm lịch, anh L tuyên bố đình hụi. Hiện trong dây hụi này, bà đã đóng được 23 kỳ hụi sống nên anh L còn nợ bà số tiền 23.000.000 đồng.

Trong cả hai dây hụi trên, ông Đ1 và anh L làm chủ nhưng chị V là người đi gom tiền hụi, bà C là vợ của ông Đ1 nên việc ông Đ1, anh L mở hụi mục đích để sử dụng sinh hoạt chung trong gia đình. Do đó, bà yêu cầu ông Đ1 cùng bà C, chị V và anh L có trách nhiệm trả cho bà hết một lần số tiền hụi còn nợ là 142.510.000 đồng. Ngoài ra, bà Đ không yêu cầu gì khác.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, ông Huỳnh Văn Đ1 (bị đơn) trình bày:

Ông thừa nhận lời trình bày của bà Lê Hồng Đ về thời gian mở hụi, thời gian khui hụi, loại hụi, số hụi viên tham gia và số dây hụi, số chân hụi còn sống, hụi mua mà bà Đ tham gia, thời gian đình hụi và số kỳ hụi bà Đ đóng hụi là đúng nhưng đối với hai chân hụi mua, bà Đ mua 01 chân hụi lúc hụi chết được 17 lần với số tiền mua là 49.160.000 đồng và mua chân hụi thứ hai lúc hụi chết được 24 lần với số tiền 46.550.000 đồng, tổng số tiền của hai chân hụi mua là 95.710.000 đồng. Riêng 02 chân hụi sống mà bà Đ trực tiếp chơi (không phải hai chân hụi mua), do đình hụi nên số tiền vốn bà Đ thực đóng của hai chân trong hai dây hụi trên là 36.430.000 đồng (dây hụi mở ngày 10/01/2023 là 20.955.000 đồng, dây hụi mở ngày 15/4/2023 là 15.475.000 đồng). Tại tòa, ông Đ1 thừa nhận ông cùng anh L còn nợ và đồng ý trả tiền hụi của hai chân hụi sống, hai chân hụi mua nhưng xin trả lại bằng số tiền thực đóng, số tiền thực tế mua hụi là 132.140.000 đồng. Tuy nhiên, trong thời gian giao dịch, ông cùng anh L đã trả được cho bà Đ số tiền 15.000.000 đồng nên chỉ còn nợ lại số tiền 117.140.000 đồng nhưng do đang gặp khó khăn, nên xin chậm lại chờ ông bán được đất sẽ thanh toán cho bà Đ số tiền còn nợ nêu trên.

Tại bản tự khai ngày 12/8/2024 và biên bản ghi ý kiến ngày 19/8/2024, bà Nguyễn Thị C (bị đơn) trình bày:

Bà với ông Huỳnh Văn Đ1 là vợ chồng, nhưng trong cuộc sống vợ chồng xãy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng ý kiến, tính tình không hòa hợp nên cả hai quyết định sống ly thân mà không khởi kiện ra Tòa để giải quyết ly hôn và bà với ông Đ1 đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay, cuộc sống nạnh ai nấy lo nên việc ông Đ1 cùng con trai là Huỳnh Văn L tổ chức mở hụi thì bà không biết, bà không biết ông Đ1, anh L mở bao nhiêu dây hụi, mở vào thời gian nào, có bao nhiêu người chơi và bà cũng không tham gia cùng ông Đ1, anh L đi gom hụi

hay chung hụi cho hụi viên. Từ khi sống ly than, bà chung sống cùng mẹ ruột và tự làm, tự lo cho bản than chứ không nhận bất cứ khoản tiền nào từ ông Đ1, anh L. Do đó, bà Lê Hồng Đ khởi kiện yêu cầu bà cùng với ông Đ1, anh L và chị V có trách nhiệm trả tiền hụi cho bà Đ thì bà không đồng ý, bà không có trách nhiệm gì trong giao dịch hụi với bà Đ cũng như các hụi viên khác và xin vắng mặt trong các lần Tòa án hòa giải, xét xử vụ án.

Tại bản tự khai ngày 12/8/2024, anh Huỳnh Văn L (bị đơn) trình bày:

Bà Đ có vô hai chân hụi 1.000.000 đồng, cụ thể: Một chân khui ngày 10/01/2023 chết được 32 lần với số tiền thực đóng là 20.955.000 đồng; chân hụi khui ngày 15/4/2023 chết được 24 lần với số tiền thực đóng là 15.475.000 đồng. Tổng số tiền thực đóng của 02 chân hụi là 36.430.000 đồng. Hiện do tình trạng sức khỏe không được tốt, điều kiện đi lại khó khăn nên anh L xin vắng mặt trong các lần Tòa án hòa giải, xét xử vụ án.

Tại bản tự khai ngày 12/8/2024 và biên bản ghi ý kiến ngày 19/8/2024, chị Võ Cẩm V (bị đơn) trình bày:

Chị có biết việc cha chồng là ông Huỳnh Văn Đ1 cùng chồng là anh Huỳnh Văn L mở hụi và biết có bà Lê Hồng Đ tham gia chơi hụi nhưng không biết bà Đ tham gia bao nhiêu chân hụi. Quá trình giao dịch hụi giữa ông Đ1, anh L với bà Đ thì chị có đi gom tiền hụi của bà Đ thay cho anh L nhiều lần nhưng cụ thể mỗi lần nhận bao nhiêu tiền thì chị không nhớ rõ còn việc thỏa thuận mua bán hụi, chung hụi thì giữa ông Đ1, anh L với bà Đ thỏa thuận với nhau, chị không tham gia nên không biết việc này. Nay bà Đ khởi kiện chị cùng ông Đ1, anh L và bà C cùng có trách nhiệm trả nợ hụi cho bà Đ thì chị không đồng ý, tùy Tòa án giải quyết như thế nào thì chị chấp nhận theo quyết định của Tòa án và xin vắng mặt trong các lần Tòa án hòa giải, xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng, anh Huỳnh Văn L cùng chị Võ Cẩm V và bà Nguyễn Thị C (bị đơn) đã có lời khai và có ý kiến xin vắng mặt trong các lần Tòa án hòa giải, xét xử vụ án nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc xin vắng mặt trên và tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

[2] Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn được xác định là tranh chấp hợp đồng về hụi. Quá trình thực hiện thỏa thuận về hụi, bị đơn đã đình hụi vào ngày 10/4/2024 (AL) nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả lại tiền hụi đã góp, tiền hụi đã mua cho nguyên đơn, nên giữa các đương sự xảy ra tranh chấp.

[3] Xét nội dung tranh chấp, Hội đồng xét xử thấy rằng việc mở các dây hụi vào ngày 10/01/2023 (AL) và ngày 15/4/2023 (AL) giữa các đương sự tuy không đăng ký với chính quyền địa phương nhưng có lập danh sách hụi viên, được các đương sự thừa nhận về thời gian mở hụi, thời gian khui hụi, loại hụi, số hụi viên tham gia, số chân hụi nguyên đơn tham gia, số kỳ hụi nguyên đơn đã đóng hụi, số chân hụi nguyên đơn đã mua và thời gian bị đơn đình hụi là sự thật nên không phải chứng minh.

[4] Xét thấy việc bị đơn yêu cầu trả số tiền thực tế nguyên đơn đã đóng trong các dây hụi nêu trên là chưa có cơ sở bởi các dây hụi trên bị đơn tuyên bố đình hụi, không phải là vỡ hụi. Dù rằng bị đơn cung cấp danh sách từng kỳ hụi

khui, số tiền hụi bỏ, hụi đóng của từng kỳ nhưng danh sách này được lập sau khi nguyên đơn đã khởi kiện được bị đơn thừa nhận tại phiên tòa. Hơn nữa, bị đơn không đưa ra được chứng cứ chứng minh từng kỳ khui hụi, họ tên hụi viên ở từng kỳ hốt hụi nên chưa đủ cơ sở xác định số tiền thực đóng của nguyên đơn đúng với số tiền bị đơn trình bày trong khi bị đơn thừa nhận khi bị đơn tuyên bố đình hụi, một số hụi viên đã hốt hụi phải đóng lại hụi chết đã cùng với một số hụi viên có hụi còn sống và bị đơn thống nhất đối trừ số tiền hụi chết phải đóng lại cho bị đơn để trả cho hụi viên còn hụi sống, riêng một số hụi viên còn nợ tiền hụi chết bị đơn sẽ khởi kiện đòi lại số tiền hụi chết chưa đóng để trả cho các hụi viên khác. Do đó, cần buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền hụi sống bằng với số tiền hụi chết là phù hợp.

[5] Về trách nhiệm thanh toán nợ, dây hụi mở ngày 10/01/2023 (AL) do ông Huỳnh Văn Đ1 làm chủ và dây hụi mở ngày 15/4/2023 (AL) do anh Huỳnh Văn L làm chủ nhưng cả hai dây hụi này thực tế cả hai cùng làm chủ, cùng có trách nhiệm với hụi viên nên trong dây hụi của ông Đ1 làm chủ, anh L cũng có quyền thỏa thuận việc mua bán hụi với bà Đ. Vì vậy, ông Đ1 và anh L cùng có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ hụi cho bà Đ mà không phải phân định nghĩa vụ trả nợ riêng lẽ của từng người theo từng dây hụi là có căn cứ.

Đối với bà Nguyễn Thị C, tuy nguyên đơn có yêu cầu bà C cùng có trách nhiệm trả số tiền nợ hụi nêu trên nhưng nguyên đơn không cung cấp được bất kỳ tài liệu, chứng cứ để chứng minh quá trình giao dịch hụi bà C có tham gia giao dịch cùng ông Đ1, anh L, chị V và nguyên đơn trong khi bà C không thừa nhận, không đồng ý trả nợ. Mặc dù, bà C với ông Đ1 là vợ chồng nhưng trên thực tế ông, bà đã sống ly thân với nhau từ năm 2015 cho đến nay, mỗi người sống một nơi, cuộc sống nạnh ai nấy lo nên việc nguyên đơn yêu cầu bà C cùng có trách nhiệm trả nợ là chưa đủ cơ sở để chấp nhận.

Riêng chị Võ Cẩm V là vợ anh L, sống cùng nhà với ông Đ1, anh L và việc anh L, ông Đ1 mở hụi chị có biết, có tham gia gom hụi, tính toán tiền hụi với nguyên đơn. Hơn nữa, trong quá trình giải quyết vụ án, chị V không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh đây là nợ riêng của anh L, ông Đ1 hoặc giữa vợ chồng chị có thỏa thuận bằng văn bản được công chứng, chứng thực của cơ quan có thẩm quyền về việc thỏa thuận làm ăn, kinh doanh riêng và tự chịu trách nhiệm riêng đối với khoản nợ trên trong khi giữa anh L cùng chị vẫn tồn tại mối quan hệ vợ chồng nên buộc chị V cùng có trách nhiệm với ông Đ1, anh L trả nợ cho bà Đ là có căn cứ.

[6] Về thời gian và phương thức thanh toán nợ, Hội đồng xét xử xét thấy do các đương sự không thỏa thuận được với nhau và việc thanh toán thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan thi hành án sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nên không đề cập xem xét trong vụ án.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, bị đơn phải chịu số tiền 7.125.500 đồng nên ông Đ1, anh L và chị V mỗi người phải nộp số tiền 2.375.000 đồng nhưng do ông Đ1 là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp án phí nên xét miễn án phí cho ông Đ1 còn chị V, anh L phải nộp. Đối với nguyên đơn không phải chịu, số tiền tạm ứng án phí đã nộp được trả lại toàn bộ cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 468, 471 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào các Điều 147, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Hồng Đ.

Buộc ông Huỳnh Văn Đ1, anh Huỳnh Văn L và chị Võ Cẩm V cùng có trách nhiệm trả cho bà Lê Hồng Đ số tiền là 142.510.000 đồng (một trăm bốn mươi hai triệu năm trăm mười nghìn đồng).

Kể từ ngày bà Lê Hồng Đ có đơn yêu cầu thi hành án, ông Huỳnh Văn Đ1 cùng anh Huỳnh Văn L, chị Võ Cẩm V không tự nguyện thi hành xong, thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Ông Huỳnh Văn Đ1 là người cao tuổi, nên được miễn nộp án phí theo quy định.

Anh Huỳnh Văn L và chị Võ Cẩm V, mỗi người phải nộp số tiền án phí là 2.375.000 đồng (hai triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng – chưa nộp).

Bà Lê Hồng Đ không phải chịu. Ngày 11/7/2024, bà Đ đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 3.584.000 đồng (ba triệu năm trăm tám mươi bốn nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003703 được trả lại toàn bộ cho bà Đ.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND H.Phú Tân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Lâm Hoài Ân